

Số: 66/2026/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 21 tháng 08 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2026 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: ..... Fax: .....
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn) Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên 2026 đã được soát xét
  - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/08/2026 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/bao-cao-tai-chinh.htm/>

Tài liệu đính kèm:  
BCTC bán niên 2026  
VB giải trình

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *af*



Võ Kim Nguyên



## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

### 1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: Fax:
- Email: [info@thegoldengroup.vn](mailto:info@thegoldengroup.vn)

### 2. Nội dung thông tin công bố:

#### 2.1 Công bố thông tin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2026 của Công ty Cổ phần The Golden Group

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu                  | Báo cáo tài chính tự lập 6 tháng đầu năm 2026 | Báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2026 | Chênh lệch      | % thay đổi |
|---------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------|------------|
| LNST tại báo cáo riêng    | 1.980.273.491                                 | 156.320.714                                             | (1.823.952.777) | -92%       |
| LNST tại báo cáo hợp nhất | 2.224.905.938                                 | 349.987.897                                             | (1.874.918.041) | -84%       |

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này:

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2026 | Báo cáo tài chính đã được soát xét bán niên 2025 | Chênh lệch | % thay đổi |
|----------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------|------------|
|          |                                                  |                                                  |            |            |

|                           |             |                 |               |       |
|---------------------------|-------------|-----------------|---------------|-------|
| LNST tại báo cáo riêng    | 156.320.714 | (2.174.600.007) | 2.330.920.721 | -107% |
| LNST tại báo cáo hợp nhất | 349.987.897 | (4.517.662.691) | 4.867.650.588 | -108% |

**Nguyên nhân:**

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, LNST theo Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được soát xét thấp hơn so với Báo cáo tài chính tự lập, chủ yếu do Công ty bổ sung trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khó đòi.
- LNST tại Báo cáo tài chính riêng bán niên 2026 đã được soát xét ghi nhận lợi nhuận, trong khi cùng kỳ năm 2025 ghi nhận khoản lỗ. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty hoàn nhập khoản dự phòng đã trích lập đối với khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con, do tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của các công ty con được cải thiện và đạt hiệu quả tốt hơn.
- LNST tại Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2026 đã được soát xét ghi nhận lợi nhuận, trong khi cùng kỳ năm 2025 ghi nhận khoản lỗ. Nguyên nhân chủ yếu do tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu tăng.

**2.2 Giải trình ý kiến ngoại trừ trên Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026****2.2.1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các khoản công nợ chưa thu thập được đầy đủ giấy xác nhận**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Kiểm toán chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của các đối tượng thuộc một số khoản mục trên Bảng Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2026 và 31/12/2025 lý do các đối tượng có công nợ quá lâu và thông tin liên lạc không còn chính xác để liên hệ. Và công ty chúng tôi đã cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan đến các khoản mục thay thế cho thư xác nhận nhưng vẫn chưa đem lại đủ cơ sở cho kiểm toán để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026 của Công ty.

**2.2.2 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chưa thu thập được BCTC kiểm toán của đơn vị mà Công ty đã góp vốn và ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại công ty liên kết**

Trước đây Công ty con của TGG là Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC có góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần XNK Louis Rice với số tiền là 9,795 tỷ đồng, Công ty đã cố gắng liên hệ để được cung cấp Báo cáo tài chính tuy nhiên đến thời điểm hiện tại phía Công ty Louis Rice vẫn chưa cung cấp, Công ty đang xem xét để tiến hành các thủ tục nhằm thu hồi lại khoản đầu tư này.

**2.2.3 Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chỉ tiêu Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Louis AMC: hàng tồn kho là các máy móc thiết bị được lưu giữ hộ tại kho của Công ty Cổ phần Louis Holdings, do trong giai đoạn 2022 kho này được Công ty Louis Holdings bàn giao cho bên ngân hàng tiếp quản, nên đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thể tiến hành việc kiểm đếm và đánh giá lại hàng tồn kho này. Và hệ thống MMTB được Công ty cho Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (LDP) thuê, do trước đây hai đơn vị là các bên có liên quan cùng tập đoàn và cùng lãnh đạo chủ chốt, do đó việc danh sách MMTB cho thuê theo Hợp đồng và MMTB thực tế có sự khác nhau (trên thực tế Hợp đồng chỉ thể hiện các MMTB then chốt) thực tế bàn giao là một hệ thống bao gồm các MMTB then chốt và các MMTB phụ trợ). Đến thời điểm hiện tại, hai bên đã thống nhất lại danh sách MMTB cho thuê.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/08/2026, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/bao-cao-tai-chinh.htm/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC** *ct*

*Vũ Kim Nguyên*





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026**

## CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



## MỤC LỤC

|                                                              | Trang   |
|--------------------------------------------------------------|---------|
| <b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>                         | 1 – 3   |
| <b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>     | 4 – 5   |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b> |         |
| Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ               | 6 – 9   |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ      | 10      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ                | 11 – 12 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ             | 13 – 31 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần The Golden Group là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2026 và 01/01/2026 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 3228/TB-SGDHN ngày 23/07/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty hiện đang trong trạng thái cảnh báo theo Quyết định số 984/QĐ-SGDHN ngày 23/07/2026 và bị đình chỉ giao dịch theo Quyết định số 1333/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2023.

Trước đó, theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Việc đăng ký giao dịch trên UPCoM được thực hiện sau khi cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023, với ngày giao dịch cuối cùng trên HOSE là ngày 18/12/2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

| Họ tên                | Chức vụ                    | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm         |
|-----------------------|----------------------------|------------------------------|
| Ông Ngô Quang Tuấn    | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025 |
| Ông Lý Thanh Nhã      | Thành viên                 | Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025 |
| Ông Võ Kim Nguyên     | Thành viên                 | Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025 |
| Ông Nguyễn Quốc Dũng  | Thành viên độc lập         | Tái bổ nhiệm ngày 18/07/2025 |
| Ông Từ Hoàng Anh Tuấn | Thành viên độc lập         | Bổ nhiệm ngày 17/07/2026     |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa   | Thành viên độc lập         | Miễn nhiệm ngày 17/07/2026   |

#### Ủy ban Kiểm toán

| Họ tên                | Chức vụ    | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm       |
|-----------------------|------------|----------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Dũng  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 24/07/2025   |
| Ông Từ Hoàng Anh Tuấn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/07/2026   |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 17/07/2026 |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Tổng Giám đốc

| Họ tên            | Chức vụ           | Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm     |
|-------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Lý Thanh Nhã  | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 10/04/2023 |
| Ông Võ Kim Nguyên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 10/04/2023 |

Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Loan.

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên           | Quốc tịch | Chức vụ       |
|------------------|-----------|---------------|
| Ông Lý Thanh Nhã | Việt Nam  | Tổng Giám đốc |

Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 26/03/2026 của người đại diện theo pháp luật Công ty, Ông Võ Kim Nguyên - Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm phê duyệt và ký Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2026) đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **7. Công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**VŨ KIM NGUYỄN**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Người được ủy quyền

Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 153/2026/BCSX-HCM.01499

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần The Golden Group**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần The Golden Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 08 năm 2026, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của kết luận ngoại trừ

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận của một số khoản mục trên Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30/06/2026 và 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá các khoản mục này cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty. Cụ thể bao gồm các khoản mục sau:

| Khoản mục                        | Mã số | Tại ngày 30/06/2026<br>VND | Tại ngày 01/01/2026<br>VND |
|----------------------------------|-------|----------------------------|----------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131   | 105.773.913                | 105.773.913                |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132   | 1.129.653.001              | 1.129.653.001              |
| Phải thu ngắn hạn khác           | 135   | 45.126.000.000             | 45.000.000.000             |

# **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

## **Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp theo)**

2. Như đã trình bày tại điểm (b) của mục 5.2.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026, Công ty chưa xem xét ảnh hưởng của các khoản mục dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn và khoản mục số dư hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (sau đây gọi tắt là "Công ty Louis AMC") để có cơ sở đánh giá tình hình tài chính và khả năng thu hồi khoản đầu tư vào Công ty Louis AMC có giá gốc là 88.700.000.000 VND.

Trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2026 của Công ty Louis AMC, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của các khoản mục dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn của Công ty Louis AMC vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice với giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2026 là 9.795.414.653 VND, dự phòng đã trích lập là 9.795.414.653 VND (tại ngày 31/12/2025 là 9.795.414.653 VND). Ngoài ra, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để có cơ sở đánh giá và có những điều chỉnh cần thiết (nếu có) về số dư hàng tồn kho của Louis AMC đang được Công ty khác giữ hộ tại ngày 30/06/2026 là 12.272.727.273 VND.

Do đó, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của các khoản mục này đến giá trị dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn của Công ty vào Công ty Louis AMC, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần The Golden Group tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phủ định kết luận nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến nội dung sau:

Như đã trình bày tại điểm (a) của mục 5.2.2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2026, theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGĐ-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con), Công ty đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty nhận thấy cơ sở định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.



**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

Người được ủy quyền

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2026

**LÊ HUỖNH BẢO**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2026-009-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                    | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND     | 01/01/2026<br>VND     |
|-------------------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                              |            |             |                       |                       |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                                 | <b>100</b> |             | <b>10.480.991.281</b> | <b>12.326.012.927</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                | <b>110</b> | 5.1         | <b>516.992.057</b>    | <b>415.969.971</b>    |
| 1. Tiền                                                     | 111        |             | 516.992.057           | 415.969.971           |
| 2. Các khoản tương đương tiền                               | 112        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                        | <b>120</b> |             | <b>955.117.909</b>    | <b>922.474.521</b>    |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                                   | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh                 | 122        |             | -                     | -                     |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn                 | 123        | 5.2         | 6.123.764.536         | 7.299.841.586         |
| 4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn        | 124        | 5.6         | (5.168.646.627)       | (6.377.367.065)       |
| 5. Đầu tư ngắn hạn khác                                     | 125        |             | -                     | -                     |
| 6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác         | 126        |             | -                     | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>                     | <b>130</b> |             | <b>5.859.156.232</b>  | <b>7.839.885.168</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                         | 131        | 5.3         | 300.430.145           | 279.019.081           |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                         | 132        | 5.4         | 1.131.653.001         | 1.246.293.001         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                                 | 133        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng                  | 134        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải thu ngắn hạn khác                                   | 135        | 5.5         | 52.550.000.000        | 52.550.000.000        |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                       | 136        | 5.6         | (48.122.926.914)      | (46.235.426.914)      |
| 7. Tài sản thiếu chờ xử lý                                  | 137        |             | -                     | -                     |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                                     | <b>140</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Hàng tồn kho                                             | 141        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                           | 142        |             | -                     | -                     |
| <b>V. Tài sản sinh học ngắn hạn</b>                         | <b>150</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn               | 151        |             | -                     | -                     |
| 2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn              | 153        |             | -                     | -                     |
| <b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>                            | <b>160</b> |             | <b>3.149.725.083</b>  | <b>3.147.683.267</b>  |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn                             | 161        |             | -                     | -                     |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                                  | 162        |             | 269.740.689           | 267.698.873           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                 | 163        | 5.11        | 2.879.984.394         | 2.879.984.394         |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ               | 164        |             | -                     | -                     |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                    | 165        |             | -                     | -                     |

M.S.D.N  
THÀNH

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                             | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND      | 01/01/2026<br>VND      |
|----------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                           | <b>200</b> |             | <b>121.403.715.402</b> | <b>119.492.001.915</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                                 | <b>210</b> |             | <b>126.000.000</b>     | <b>126.000.000</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                                   | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                                   | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc                                | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                                           | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu dài hạn khác                                             | 215        | 5.5         | 126.000.000            | 126.000.000            |
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                                 | 216        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                                           | <b>220</b> |             | <b>17.666.680</b>      | <b>22.666.678</b>      |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                          | 221        | 5.7         | 17.666.680             | 22.666.678             |
| - Nguyên giá                                                         | 222        |             | 50.000.000             | 50.000.000             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 223        |             | (32.333.320)           | (27.333.322)           |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                                    | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                                           | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 228        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>                                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ                                 | 231        |             | -                      | -                      |
| a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành | 232        |             | -                      | -                      |
| b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành      | 233        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 234        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 235        |             | -                      | -                      |
| 2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn                         | 236        |             | -                      | -                      |
| 3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn           | 237        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn                        | 238        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Bất động sản đầu tư</b>                                       | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 241        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>                                    | <b>250</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn                      | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                   | 252        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>                                  | <b>260</b> | 5.2         | <b>110.177.797.655</b> | <b>108.087.923.996</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                                            | 261        |             | 162.700.000.000        | 162.700.000.000        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                           | 262        |             | 23.532.000.000         | 23.532.000.000         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                    | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn                  | 264        |             | (76.054.202.345)       | (78.144.076.004)       |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                                   | 265        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn                  | 266        |             | -                      | -                      |
| <b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>                                     | <b>270</b> |             | <b>11.082.251.067</b>  | <b>11.255.411.241</b>  |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn                                       | 271        | 5.8         | 11.082.251.067         | 11.255.411.241         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                                    | 272        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn                       | 273        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                                              | 274        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                             | <b>280</b> |             | <b>131.884.706.683</b> | <b>131.818.014.842</b> |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND    | 01/01/2026<br>VND    |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                    |            |             |                      |                      |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.656.478.694</b> | <b>1.746.107.567</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>1.495.678.694</b> | <b>1.585.307.567</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | 5.9         | 98.967.118           | 87.556.054           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | 5.10        | 20.000.000           | 20.000.000           |
| 3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận                       | 313        |             | -                    | -                    |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn     | 314        | 5.11        | 13.846.666           | 17.046.666           |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        |             | -                    | -                    |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 316        |             | -                    | 96.937.350           |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 317        |             | -                    | -                    |
| 8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn | 318        |             | -                    | -                    |
| 9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn                   | 319        |             | 31.818.182           | 31.818.182           |
| 10. Phải trả ngắn hạn khác                          | 320        | 5.12        | -                    | 902.587              |
| 11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 321        |             | -                    | -                    |
| 12. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 322        |             | -                    | -                    |
| 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | 5.13        | 1.331.046.728        | 1.331.046.728        |
| 14. Quỹ bình ổn giá                                 | 324        |             | -                    | -                    |
| 15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 325        |             | -                    | -                    |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>160.800.000</b>   | <b>160.800.000</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                    | -                    |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                    | -                    |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn      | 333        |             | -                    | -                    |
| 4. Chi phí phải trả dài hạn                         | 334        |             | -                    | -                    |
| 5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 335        |             | -                    | -                    |
| 6. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 336        |             | -                    | -                    |
| 7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn                    | 337        |             | -                    | -                    |
| 8. Phải trả dài hạn khác                            | 338        | 5.12        | 160.800.000          | 160.800.000          |
| 9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 339        |             | -                    | -                    |
| 10. Trái phiếu chuyển đổi                           | 340        |             | -                    | -                    |
| 11. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 341        |             | -                    | -                    |
| 12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 342        |             | -                    | -                    |
| 13. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 343        |             | -                    | -                    |
| 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 344        |             | -                    | -                    |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | 30/06/2026<br>VND      | 01/01/2026<br>VND      |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> | <b>5.14</b> | <b>130.228.227.989</b> | <b>130.071.907.275</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        |             | 272.999.900.000        | 272.999.900.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 272.999.900.000        | 272.999.900.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn                                              | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)                       | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        |             | 2.889.093.455          | 2.889.093.455          |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                             | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 420        |             | (145.660.765.466)      | (145.817.086.180)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 420a       |             | (145.817.086.180)      | (138.947.025.572)      |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 420b       |             | 156.320.714            | (6.870.060.608)        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>131.884.706.683</b> | <b>131.818.014.842</b> |

  
**TRẦN THỊ THANH LOAN**  
 Người lập biểu/ Kế toán trưởng



  
**VÕ KIM NGUYÊN**  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Người được ủy quyền  
 Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                                                | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                        | 01    |             | <b>277.439.355</b>                     | <b>54.195.803</b>                      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                                                         | 02    |             | -                                      | -                                      |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>                | 10    | 6.1         | <b>277.439.355</b>                     | <b>54.195.803</b>                      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                                     | 11    | 6.2         | 387.616.724                            | 173.160.174                            |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>                  | 20    |             | <b>(110.177.369)</b>                   | <b>(118.964.371)</b>                   |
| 6. Lãi/ lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư                              | 21    |             | -                                      | -                                      |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                                                        | 22    | 6.3         | 94.086.797                             | 167.119.953                            |
| 8. Chi phí tài chính                                                                    | 23    | 6.4         | (3.298.594.097)                        | 1.484.286.645                          |
| - Trong đó: Chi phí đi vay                                                              | 24    |             | -                                      | -                                      |
| 9. Chi phí bán hàng                                                                     | 25    |             | -                                      | -                                      |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                        | 26    | 6.5         | 3.126.182.811                          | 2.582.559.855                          |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26)}</b> | 30    |             | <b>156.320.714</b>                     | <b>(4.018.690.918)</b>                 |
| 12. Thu nhập khác                                                                       | 31    |             | -                                      | 1.909.090.911                          |
| 13. Chi phí khác                                                                        | 32    |             | -                                      | 65.000.000                             |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>                                                | 40    |             | -                                      | <b>1.844.090.911</b>                   |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                             | 50    |             | <b>156.320.714</b>                     | <b>(2.174.600.007)</b>                 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                                        | 51    | 5.11        | -                                      | -                                      |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                                         | 52    |             | -                                      | -                                      |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>                 | 60    |             | <b>156.320.714</b>                     | <b>(2.174.600.007)</b>                 |



**TRẦN THỊ THANH LOAN**  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



**VÔ KIM NGUYỄN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Người được ủy quyền  
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số     | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                                |           |                                        |                                        |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01        | 156.320.714                            | (2.174.600.007)                        |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |           |                                        |                                        |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT                                                              | 02        | 4.999.998                              | 4.999.998                              |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03        | (1.411.094.097)                        | 1.315.882.353                          |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        | -                                      | -                                      |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính                                                         | 05        | (93.922.950)                           | (2.076.210.862)                        |
| - Chi phí đi vay                                                                                 | 06        | -                                      | -                                      |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                      | 07        | -                                      | -                                      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                 | 08        | (1.343.696.335)                        | (2.929.928.518)                        |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        | 91.187.120                             | 549.692.383                            |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        | -                                      | -                                      |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | (89.628.873)                           | (65.374.143)                           |
| - Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ                                                                 | 12        | 173.160.174                            | (93.877.786)                           |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                              | 13        | -                                      | -                                      |
| - Chi phí đi vay đã trả                                                                          | 14        | -                                      | -                                      |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | -                                      | -                                      |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16        | -                                      | -                                      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                         | 17        | -                                      | -                                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                             | <b>20</b> | <b>(1.168.977.914)</b>                 | <b>(2.539.488.064)</b>                 |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                   |           |                                        |                                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác                     | 21        | -                                      | -                                      |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                             | 22        | -                                      | -                                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23        | -                                      | -                                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                  | 24        | 750.000.000                            | 500.000.000                            |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                       | 25        | -                                      | (200.000.000)                          |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                   | 26        | -                                      | -                                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27        | 520.000.000                            | 30.973.442                             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                 | <b>30</b> | <b>1.270.000.000</b>                   | <b>330.973.442</b>                     |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                               |           |                                        |                                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                   | 31        | -                                      | -                                      |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành                        | 32        | -                                      | -                                      |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33        | -                                      | -                                      |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34        | -                                      | -                                      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                                | 35        | -                                      | -                                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36        | -                                      | -                                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                              | <b>40</b> | <b>-</b>                               | <b>-</b>                               |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

| CHỈ TIÊU                                                   | Mã số | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ<br>(50 = 20 + 30 + 40)      | 50    | 101.022.086                            | (2.208.514.622)                        |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ                            | 60    | 415.969.971                            | 2.948.620.873                          |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi<br>ngoại tệ | 61    | -                                      | -                                      |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ<br>(70 = 50 + 60 + 61)    | 70    | 516.992.057                            | 740.106.251                            |



**TRẦN THỊ THANH LOAN**  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



**VŨ KIM NGUYỄN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Người được ủy quyền  
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần The Golden Group ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835 cấp lần đầu ngày 10 tháng 02 năm 2012 và thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2026 và 01/01/2026 là 272.999.900.000 VND tương đương với 27.299.990 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TGG và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 05 năm 2018.

Theo Thông báo số 3228/TB-SGDHN ngày 23/07/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty hiện đang trong trạng thái cảnh báo theo Quyết định số 984/QĐ-SGDHN ngày 23/07/2026 và bị đình chỉ giao dịch theo Quyết định số 1333/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2023.

Trước đó, theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Việc đăng ký giao dịch trên UPCoM được thực hiện sau khi cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023, với ngày giao dịch cuối cùng trên HOSE là ngày 18/12/2023.

Trụ sở chính của Công ty đặt Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

| STT | Tên đơn vị                                                                      | Địa chỉ                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần The Golden Group                            | Tầng 3, số 402 - 404 đường Tùng Thiện Vương, Phường Phú Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| 2   | Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group                            | Tiểu khu 48, Xã Hiền Lương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                                            |
| 3   | Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình                   | Xóm Phương Viên, Xã Cao Dương, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                                         |
| 4   | Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần The Golden Group | Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                 |

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

**1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ này, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty. Chi tiết như sau:

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

| CHỈ TIÊU                                             | Mã số | 31/12/2025<br>Số liệu<br>đã phát hành<br>VND | 01/01/2026<br>Số liệu<br>trình bày lại<br>VND | Thay đổi thuần<br>VND |
|------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn          | 123   | -                                            | 7.299.841.586                                 | 7.299.841.586         |
| 4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | 124   | -                                            | (6.377.367.065)                               | (6.377.367.065)       |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                      |       | 2.413.865.921                                | -                                             | (2.413.865.921)       |
| 5. Phải thu ngắn hạn khác                            | 135   | 57.435.975.665                               | 52.550.000.000                                | (4.885.975.665)       |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                | 136   | (52.612.793.979)                             | (46.235.426.914)                              | 6.377.367.065         |

**1.6 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, tổng số nhân viên của Công ty là 4 người (tại ngày 31/12/2025 là 4 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Tiền thuê văn phòng chờ phân bổ***

Tiền thuê văn phòng chờ phân bổ thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả cho phần diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 42 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ; chi phí chờ phân bổ khác***

Các công cụ, dụng cụ; chi phí chờ phân bổ khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Số năm

Máy móc thiết bị

05

### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.8 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

### 4.9 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### 4.10 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

### **Các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **4.11 Doanh thu**

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.13 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

Các cá nhân/ Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Cá nhân/ Công ty                                                                | Địa điểm | Quan hệ                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC                          | Việt Nam | Công ty con                                  |
| Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global                                           | Việt Nam | Công ty con                                  |
| Công ty TNHH Angimex Furious                                                    | Việt Nam | Công ty con                                  |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư                                       | Việt Nam | Công ty liên kết                             |
| Công ty Cổ phần Golden Paddy                                                    | Việt Nam | Cùng thành viên chủ chốt                     |
| Công ty Cổ phần HB Pharma                                                       | Việt Nam | Cùng thành viên chủ chốt                     |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang                                         | Việt Nam | Cổ đông lớn của Công ty con                  |
| Công ty Cổ phần Pomax                                                           | Việt Nam | Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn      |
| Công ty TNHH MTV Thu mua phụ phẩm PBP                                           | Việt Nam | Cùng thành viên chủ chốt trong tập đoàn      |
| Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice) | Việt Nam | Công ty cùng tập đoàn và Công ty nhận đầu tư |
| Công ty Cổ phần Hòa Bình                                                        | Việt Nam | Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt |
| Công ty Cổ phần BV Pharma                                                       | Việt Nam | Công ty có liên quan đến thành viên chủ chốt |
| Bà Nguyễn Thị Út Nga                                                            | Việt Nam | Giám đốc Công ty con                         |
| Ông Bùi Việt Dũng                                                               | Việt Nam | Giám đốc Công ty con                         |
| Ông Đỗ Mạnh Hùng                                                                | Việt Nam | Thành viên chủ chốt của Công ty liên kết     |
| Ông Nguyễn Kiên Giang                                                           | Việt Nam | Thành viên chủ chốt của Công ty con          |
| Ông Vũ Minh Hoàng                                                               | Việt Nam | Giám đốc Công ty con                         |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa                                                             | Việt Nam | Tổng Giám đốc Công ty liên kết               |
| Ông Vũ Anh Sinh                                                                 | Việt Nam | Người đứng đầu chi nhánh                     |
| Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc                          |          | Thành viên chủ chốt                          |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                       | 30/06/2026<br>VND  | 01/01/2026<br>VND  |
|-------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ - VND                                | 141.399.905        | 141.399.905        |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND                 |                    |                    |
| + Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận | 373.545.416        | 272.523.873        |
| + Các ngân hàng khác                                  | 2.046.736          | 2.046.193          |
|                                                       | <b>516.992.057</b> | <b>415.969.971</b> |

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|                                                 | Giá gốc<br>VND       | 30/06/2026<br>Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Giá trị<br>dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND       | 01/01/2026<br>Giá trị có<br>thể thu hồi<br>VND | Giá trị<br>dự phòng<br>VND |
|-------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                 |                      |                                                |                            |                      |                                                |                            |
| Cho vay – Bên liên<br>quan (*)                  | 1.663.865.921        | 660.000.000                                    | (1.003.865.921)            | 2.413.865.921        | 660.000.000                                    | (1.753.865.921)            |
| Lãi dự thu về cho<br>vay – Bên liên quan<br>(*) | 4.459.898.615        | 295.117.909                                    | (4.164.780.706)            | 4.885.975.665        | 262.474.521                                    | (4.623.501.144)            |
|                                                 | <b>6.123.764.536</b> | <b>955.117.909</b>                             | <b>(5.168.646.627)</b>     | <b>7.299.841.586</b> | <b>922.474.521</b>                             | <b>(6.377.367.065)</b>     |

(\*) Chi tiết số dư về cho vay và lãi dự thu về cho vay như sau:

|                                                                  | 30/06/2026           |                        | 01/01/2026           |                        |
|------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                                                  | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND        | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND        |
| <b>Cho vay và lãi dự thu về cho vay các bên liên quan</b>        |                      |                        |                      |                        |
| <b>Cho vay</b>                                                   |                      |                        |                      |                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng<br>và Tư vấn Đầu tư (a)                 | 500.000.000          | -                      | 500.000.000          | -                      |
| Công ty Cổ phần Quản lý<br>và Khai thác Tài sản Louis<br>AMC (b) | 1.003.865.921        | (1.003.865.921)        | 1.753.865.921        | (1.753.865.921)        |
| Công ty Cổ phần HB<br>Pharma (c)                                 | 160.000.000          | -                      | 160.000.000          | -                      |
| <b>Lãi dự cho về cho vay</b>                                     |                      |                        |                      |                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng<br>và Tư vấn Đầu tư (a)                 | 33.657.535           | -                      | 11.342.466           | -                      |
| Công ty Cổ phần Quản lý<br>và Khai thác Tài sản Louis<br>AMC (b) | 3.862.379.161        | (3.797.912.104)        | 4.317.912.104        | (4.317.912.104)        |
| Công ty Cổ phần HB<br>Pharma (c)                                 | 563.861.919          | (366.868.602)          | 556.721.095          | (305.589.040)          |
|                                                                  | <b>6.123.764.536</b> | <b>(5.168.646.627)</b> | <b>7.299.841.586</b> | <b>(6.377.367.065)</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP  
Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

- (a) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư vay ngắn hạn theo hợp đồng vay vốn số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024 để phục vụ hoạt động kinh doanh của bên vay. Số tiền cho vay là 600.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 12 tháng. Lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (b) Theo Nghị quyết số 01/2026/TGG/HĐQT-NQ ngày 26/01/2026 của Công ty và Văn bản số 03/XD-TVĐT ngày 19/01/2026 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư về việc đề nghị được gia hạn hợp đồng vay vốn, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc gia hạn thêm 12 tháng kể từ ngày 06/11/2025 đối với hợp đồng cho vay số 611/2024/HĐVV-TGG-CIC ngày 06 tháng 11 năm 2024.
- (b) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC vay ngắn hạn theo các Hợp đồng vay vốn số 2803/2022/HĐVV-TGG-AMC được gia hạn lần 4 thêm 12 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian gia hạn lần 3 đối với hợp đồng đã ký kết - theo Nghị quyết số 02/2026/TGG/HĐQT-NQ ngày 03 tháng 04 năm 2026, thời hạn là 12 tháng và lãi suất 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa kí phụ lục gia hạn mới.
- (c) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần HB Pharma vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay vốn số 3107/TGG-CIC/HĐVV-2025 ngày 31 tháng 07 năm 2025. Thời hạn cho vay là 12 tháng và lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa ký hợp đồng gia hạn mới.

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư góp vốn vào công ty con và đầu tư góp vốn vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

|                                                            | 30/06/2026             |                         |                       | 01/01/2026             |                         |                       |
|------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                                            | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Dự phòng<br>VND         | Giá trị hợp lý<br>VND |
| <b>Đầu tư vào công ty con</b>                              |                        |                         |                       |                        |                         |                       |
| Công ty TNHH Angimex Furious (a)                           | 72.000.000.000         | (4.601.384.508)         | (*)                   | 72.000.000.000         | (6.760.324.858)         | (*)                   |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (b) | 88.700.000.000         | (69.452.817.837)        | (*)                   | 88.700.000.000         | (69.383.751.146)        | (*)                   |
| Công ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (c)                  | 2.000.000.000          | (2.000.000.000)         | (*)                   | 2.000.000.000          | (2.000.000.000)         | (*)                   |
| <b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>                         |                        |                         |                       |                        |                         |                       |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (d)              | 23.532.000.000         | -                       | (*)                   | 23.532.000.000         | -                       | (*)                   |
|                                                            | <b>186.232.000.000</b> | <b>(76.054.202.345)</b> |                       | <b>186.232.000.000</b> | <b>(78.144.076.004)</b> |                       |

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP  
Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

| Tên công ty                                                | Vốn điều lệ của công ty tại 30/06/2026 | Vốn chủ sở hữu của công ty tại 30/06/2026 | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính                        | Địa chỉ                                                                               |
|------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|--------------|------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Công ty con</b>                                         |                                        |                                           |              |                        |                                        |                                                                                       |
| Công ty TNHH Angimex Furious (a)                           | 100.000.000.000                        | 100.000.000.000                           | 51,00%       | 51,00%                 | Bán mô tô, xe máy, dịch vụ sửa chữa    | Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Tỉnh An Giang, Việt Nam           |
| Công ty Cổ phần Quần lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (b) | 111.127.000.000                        | 111.127.000.000                           | 79,82%       | 79,82%                 | Mua bán tài sản, mua bán nợ            | Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam         |
| Công ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (c)                  | 2.000.000.000                          | 2.000.000.000                             | 100,00%      | 100,00%                | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ         | Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| <b>Công ty liên kết</b>                                    |                                        |                                           |              |                        |                                        |                                                                                       |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (d)              | 66.000.000.000                         | 66.000.000.000                            | 35,65%       | 35,65%                 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật | 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam            |

- (a) Công ty TNHH Angimex Furious được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602131322 ngày 01 tháng 10 năm 2020, thay đổi lần 15 ngày 15 tháng 09 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh An Giang cấp.
- Theo nội dung Công văn số 09/2025/TGG/TGD-CV ngày 18 tháng 03 năm 2025 do Tổng Giám đốc Công ty gửi đến Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang – là thành viên góp vốn trong Công ty TNHH Angimex Furious, Công ty đã đánh giá lại việc góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang vào Công ty TNHH Angimex Furious. Căn cứ theo kết quả rà soát và đánh giá nội bộ, Công ty nhận thấy cơ sở định giá tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang không phù hợp. Trên cơ sở đó, Công ty không công nhận giá trị phần vốn góp này tại Công ty TNHH Angimex Furious. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty TNHH Angimex Furious có thể thay đổi, tùy thuộc vào kết quả xử lý cuối cùng liên quan đến việc xác định lại giá trị vốn góp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.*

- (b) Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (gọi tắt là “Công ty Louis AMC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316839200 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 05 năm 2021 và thay đổi lần thứ 9 ngày 11 tháng 06 năm 2026 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty Louis AMC chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng tại ngày 30/06/2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty Louis AMC) với giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2026 là 9.795.414.653 VND, dự phòng đã trích lập là 9.795.414.653 VND (tại ngày 31/12/2025 là 9.795.414.653 VND). Ngoài ra, Công ty Louis AMC chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận về giá trị hàng tồn kho đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Louis Holdings tại ngày 30/06/2026 là 12.272.727.273 VND.

- (c) Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316988234 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 vào ngày 11 tháng 09 năm 2023.

Ngày 26/05/2025, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global đã ra quyết định giải thể số 05/QĐ-CSH và Thông báo số 05/TB-WG.25 gửi cho Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hồ Chí Minh về việc giải thể doanh nghiệp. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global vẫn đang tiến hành hoàn tất thủ tục giải thể.

- (d) Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (gọi tắt là “CIC”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103003428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 05 năm 2005 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300697705 thay đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 10 năm 2025.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã đánh giá tình hình tài chính và khả năng thu hồi khoản đầu tư của Công ty vào CIC dựa trên Báo cáo tài chính chưa được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng tại ngày 30/06/2026 của CIC với giá gốc là 23.532.000.000 VND.

- (\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính, do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý và sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                | 30/06/2026         |                      | 01/01/2026         |                      |
|------------------------------------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
|                                                | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị dự phòng VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị dự phòng VND |
| <b>Phải thu khách hàng khác</b>                |                    |                      |                    |                      |
| Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế Ustella  | 134.656.232        | -                    | 173.245.168        | -                    |
| Công ty TNHH XNK Lương thực Thực phẩm Thiên Vũ | 54.000.000         | (54.000.000)         | 54.000.000         | (54.000.000)         |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ AKISEI      | 32.400.000         | (32.400.000)         | 32.400.000         | (32.400.000)         |
| Các khách hàng khác                            | 79.373.913         | (19.373.913)         | 19.373.913         | (19.373.913)         |
|                                                | <b>300.430.145</b> | <b>(105.773.913)</b> | <b>279.019.081</b> | <b>(105.773.913)</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                                                        | 30/06/2026<br>VND    | 01/01/2026<br>VND    |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước người bán khác</b>                                        |                      |                      |
| Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao công nghệ Hà Nội                 | 550.000.001          | 550.000.001          |
| Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xí nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng ACC | 430.000.000          | 430.000.000          |
| Các nhà cung cấp khác                                                  | 151.653.000          | 266.293.000          |
|                                                                        | <b>1.131.653.001</b> | <b>1.246.293.001</b> |

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

|                                             | 30/06/2026            |                         | 01/01/2026            |                         |
|---------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
|                                             | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND         | Giá trị<br>VND        | Dự phòng<br>VND         |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>           |                       |                         |                       |                         |
| Ông Vũ Minh Hoàng (a)                       | 7.550.000.000         | (1.887.500.000)         | 7.550.000.000         | -                       |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> |                       |                         |                       |                         |
| Bà Từ Thị Hồng Thanh (b)                    | 45.000.000.000        | (45.000.000.000)        | 45.000.000.000        | (45.000.000.000)        |
|                                             | <b>52.550.000.000</b> | <b>(46.887.500.000)</b> | <b>52.550.000.000</b> | <b>(45.000.000.000)</b> |

(a) Đây là khoản chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Cổ phần HB Pharma với ông Bùi Ngọc Mỹ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 78/2024/HĐCNCP/TGG-BNM ký ngày 01 tháng 12 năm 2024. Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 755.000 cổ phần tương đương 7.550.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Công ty, ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng về việc ông Vũ Minh Hoàng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua lại cổ phần cho Công ty do giữa ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 492/2025/HĐCNCP/TGG.BNM ngày 15/07/2025 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho ông Vũ Minh Hoàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa thu được số tiền chuyển nhượng nêu trên.

(b) Đây là khoản tiền Công ty đã trả trước cho bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Số tiền Công ty đã trả trước còn lại là 45.000.000.000 VND, tương ứng với 4.500.000 cổ phần mà bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa thể chuyển nhượng cho Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

|                                             | 30/06/2026               |                            | 01/01/2026               |                            |
|---------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|
|                                             | Giá trị<br>ghi sổ<br>VND | Giá trị<br>dự phòng<br>VND | Giá trị<br>ghi sổ<br>VND | Giá trị<br>dự phòng<br>VND |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b> |                          |                            |                          |                            |
| Ký quỹ                                      | 126.000.000              | -                          | 126.000.000              | -                          |
|                                             | <b>126.000.000</b>       | <b>-</b>                   | <b>126.000.000</b>       | <b>-</b>                   |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.6 Nợ xấu**

|                                                                        | 30/06/2026            |                                  |                         | 01/01/2026            |                                  |                         |
|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------------------|-------------------------|
|                                                                        | Giá gốc<br>VND        | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND         | Giá gốc<br>VND        | Giá trị có thể<br>thu hồi<br>VND | Dự phòng<br>VND         |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                                             |                       |                                  |                         |                       |                                  |                         |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ AKISEI                              | 32.400.000            | -                                | (32.400.000)            | 32.400.000            | -                                | (32.400.000)            |
| Công ty TNHH XNK Lương thực Thực phẩm Thiên Vũ                         | 54.000.000            | -                                | (54.000.000)            | 54.000.000            | -                                | (54.000.000)            |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Giải pháp Công nghiệp Việt Nam           | 1.980.000             | -                                | (1.980.000)             | 1.980.000             | -                                | (1.980.000)             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Nguyên Khôi                    | 17.393.913            | -                                | (17.393.913)            | 17.393.913            | -                                | (17.393.913)            |
| <b>Trả trước người bán</b>                                             |                       |                                  |                         |                       |                                  |                         |
| Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế và Xây dựng ACC | 430.000.000           | -                                | (430.000.000)           | 430.000.000           | -                                | (430.000.000)           |
| Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội                 | 550.000.001           | -                                | (550.000.001)           | 550.000.001           | -                                | (550.000.001)           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - CN Phú Thọ               | 66.653.000            | -                                | (66.653.000)            | 66.653.000            | -                                | (66.653.000)            |
| Trung tâm Tư vấn và Phát triển Lâm nghiệp                              | 50.000.000            | -                                | (50.000.000)            | 50.000.000            | -                                | (50.000.000)            |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU                               | 33.000.000            | -                                | (33.000.000)            | 33.000.000            | -                                | (33.000.000)            |
| <b>Cho vay và lãi cho vay</b>                                          |                       |                                  |                         |                       |                                  |                         |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC                 | 4.866.245.082         | 64.467.057                       | (4.801.778.025)         | 6.071.778.025         | -                                | (6.071.778.025)         |
| Công ty Cổ phần HB Pharma                                              | 1.063.861.919         | 696.993.317                      | (366.868.602)           | 1.056.721.095         | 751.132.055                      | (305.589.040)           |
| <b>Phải thu khác</b>                                                   |                       |                                  |                         |                       |                                  |                         |
| Bà Từ Thị Hồng Thanh                                                   | 45.000.000.000        | -                                | (45.000.000.000)        | 45.000.000.000        | -                                | (45.000.000.000)        |
| Ông Vũ Minh Hoàng – bên liên quan                                      | 7.550.000.000         | 5.662.500.000                    | (1.887.500.000)         | 7.550.000.000         | 7.550.000.000                    | -                       |
|                                                                        | <b>59.715.533.915</b> | <b>6.423.960.374</b>             | <b>(53.291.573.541)</b> | <b>60.913.926.034</b> | <b>8.301.132.055</b>             | <b>(52.612.793.979)</b> |

296  
TỶ  
+  
ÁN  
VAN  
CHÍ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.7 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

|                               | Máy móc<br>thiết bị<br>VND | Tổng cộng<br>VND  |
|-------------------------------|----------------------------|-------------------|
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                            |                   |
| Tại ngày 01/01/2026           | 50.000.000                 | 50.000.000        |
| Mua trong kỳ                  | -                          | -                 |
| <b>Tại ngày 30/06/2026</b>    | <b>50.000.000</b>          | <b>50.000.000</b> |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                            |                   |
| Tại ngày 01/01/2026           | 27.333.322                 | 27.333.322        |
| Khấu hao trong kỳ             | 4.999.998                  | 4.999.998         |
| <b>Tại ngày 30/06/2026</b>    | <b>32.333.320</b>          | <b>32.333.320</b> |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                            |                   |
| Tại ngày 01/01/2026           | 22.666.678                 | 22.666.678        |
| <b>Tại ngày 30/06/2026</b>    | <b>17.666.680</b>          | <b>17.666.680</b> |

**5.8 Chi phí chờ phân bổ dài hạn**

|                            | 30/06/2026<br>VND     | 01/01/2026<br>VND     |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê văn phòng (*) | 11.082.251.067        | 11.255.411.241        |
|                            | <b>11.082.251.067</b> | <b>11.255.411.241</b> |

(\*) Đây là khoản chi phí trả trước về việc thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5 (S1-S3) HĐCTMB-SME-HG ngày 20 tháng 06 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia. Tổng diện tích thuê là 582 m<sup>2</sup>, thời hạn cho thuê từ tháng 6 năm 2016 đến hết tháng 6 năm 2058, tổng giá trị tiền thuê cố định theo hợp đồng là 16.000.000.000 VND.

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                | 30/06/2026<br>VND | 01/01/2026<br>VND |
|------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>              |                   |                   |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư      | 87.556.054        | 87.556.054        |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>          |                   |                   |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tòa nhà Xanh | 11.411.064        | -                 |
|                                                | <b>98.967.118</b> | <b>87.556.054</b> |

**5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                          | 30/06/2026<br>VND | 01/01/2026<br>VND |
|------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b> |                   |                   |
| Công ty TNHH Dược phẩm Pegasus           | 20.000.000        | 20.000.000        |
|                                          | <b>20.000.000</b> | <b>20.000.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.11 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước ngắn hạn**

|                               | 01/01/2026        |                        | Số phát sinh trong kỳ |                                      | 30/06/2026        |                        |
|-------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------------------|-------------------|------------------------|
|                               | Phải nộp<br>VND   | Phải thu<br>VND        | Số phải nộp<br>VND    | Số đã nộp/<br>Chuyển khấu trừ<br>VND | Phải nộp<br>VND   | Phải thu<br>VND        |
| Thuế GTGT hàng<br>nội địa     | -                 | -                      | 27.113.053            | (27.113.053)                         | -                 | -                      |
| Thuế thu nhập<br>doanh nghiệp | -                 | (2.879.984.394)        | -                     | -                                    | -                 | (2.879.984.394)        |
| Thuế thu nhập cá<br>nhân      | 17.046.666        | -                      | 83.392.969            | (86.592.969)                         | 13.846.666        | -                      |
|                               | <b>17.046.666</b> | <b>(2.879.984.394)</b> | <b>110.506.022</b>    | <b>(113.706.022)</b>                 | <b>13.846.666</b> | <b>(2.879.984.394)</b> |

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là không chịu thuế, 8% và 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                            | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                                                   | <b>156.320.714</b>                     | <b>(2.174.600.007)</b>                 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế<br>toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: |                                        |                                        |
| Các khoản điều chỉnh tăng                                                                  | 3.292.400                              | 76.772.191                             |
| Các khoản điều chỉnh giảm                                                                  | -                                      | -                                      |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>                                                                  | <b>159.613.114</b>                     | <b>(2.097.827.816)</b>                 |
| Lỗi các năm trước được chuyển                                                              | (159.613.114)                          | -                                      |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>                                                                  | <b>-</b>                               | <b>(2.097.827.816)</b>                 |
| Thuế suất thuế TNDN                                                                        | 20%                                    | 20%                                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>                                                         | <b>-</b>                               | <b>-</b>                               |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.12 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.12.1 Phải trả ngắn hạn khác**

|                                             | 30/06/2026<br>VND | 01/01/2026<br>VND |
|---------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b> |                   |                   |
| Phải trả, phải nộp khác                     | -                 | 902.587           |
|                                             | <b>-</b>          | <b>902.587</b>    |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.12.2 Phải trả dài hạn khác**

|                                             | 30/06/2026<br>VND  | 01/01/2026<br>VND  |
|---------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b> |                    |                    |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn                | 160.800.000        | 160.800.000        |
|                                             | <b>160.800.000</b> | <b>160.800.000</b> |

**5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                 | 01/01/2026<br>VND    | Tăng do trích<br>từ lợi nhuận<br>VND | Chi quỹ trong<br>kỳ<br>VND | 30/06/2026<br>VND    |
|-----------------|----------------------|--------------------------------------|----------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 608.773.364          | -                                    | -                          | 608.773.364          |
| Quỹ phúc lợi    | 722.273.364          | -                                    | -                          | 722.273.364          |
|                 | <b>1.331.046.728</b> | -                                    | -                          | <b>1.331.046.728</b> |

**5.14 Vốn chủ sở hữu****5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

|                            | Vốn góp của<br>chủ sở hữu<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng cộng<br>VND       |
|----------------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2025        | 272.999.900.000                  | 2.889.093.455                   | (138.947.025.572)                           | 136.941.967.883        |
| Lỗi trong kỳ               | -                                | -                               | (2.174.600.007)                             | (2.174.600.007)        |
| <b>Tại ngày 30/06/2025</b> | <b>272.999.900.000</b>           | <b>2.889.093.455</b>            | <b>(141.121.625.579)</b>                    | <b>134.767.367.876</b> |
| Tại ngày 01/07/2025        | 272.999.900.000                  | 2.889.093.455                   | (141.121.625.579)                           | 134.767.367.876        |
| Lỗi trong kỳ               | -                                | -                               | (4.695.460.601)                             | (4.695.460.601)        |
| <b>Tại ngày 31/12/2025</b> | <b>272.999.900.000</b>           | <b>2.889.093.455</b>            | <b>(145.817.086.180)</b>                    | <b>130.071.907.275</b> |
| Tại ngày 01/01/2026        | 272.999.900.000                  | 2.889.093.455                   | (145.817.086.180)                           | 130.071.907.275        |
| Lỗi trong kỳ               | -                                | -                               | 156.320.714                                 | 156.320.714            |
| <b>Tại ngày 30/06/2026</b> | <b>272.999.900.000</b>           | <b>2.889.093.455</b>            | <b>(145.660.765.466)</b>                    | <b>130.228.227.989</b> |

**5.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 272.999.900.000 VND. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bởi các cổ đông như sau:

|                    | 30/06/2026        |                        |               | 01/01/2026        |                        |               |
|--------------------|-------------------|------------------------|---------------|-------------------|------------------------|---------------|
|                    | Số cổ phần        | Số tiền<br>VND         | Tỷ lệ<br>%    | Số cổ phần        | Số tiền<br>VND         | Tỷ lệ<br>%    |
| Ông Ngô Quang Tuấn | 2.900.000         | 29.000.000.000         | 10,62         | 2.900.000         | 29.000.000.000         | 10,62         |
| Bà Đào Thị Thơm    | 1.301.000         | 13.010.000.000         | 4,77          | 1.301.000         | 13.010.000.000         | 4,77          |
| Các cổ đông khác   | 23.098.990        | 230.989.900.000        | 84,61         | 23.098.990        | 230.989.900.000        | 84,61         |
|                    | <b>27.299.990</b> | <b>272.999.900.000</b> | <b>100,00</b> | <b>27.299.990</b> | <b>272.999.900.000</b> | <b>100,00</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***5.14.3 Cổ phiếu**

|                                        | <b>30/06/2026</b> | <b>01/01/2026</b> |
|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                        | Cổ phiếu          | Cổ phiếu          |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 27.299.990        | 27.299.990        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 27.299.990        | 27.299.990        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | 27.299.990        | 27.299.990        |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -                 | -                 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | -                 | -                 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 27.299.990        | 27.299.990        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i>              | 27.299.990        | 27.299.990        |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>                 | -                 | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                              | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> |
|------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                              | VND                                     | VND                                     |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 277.439.355                             | 54.195.803                              |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | -                                       | -                                       |
| <b>Doanh thu thuần</b>       | <b>277.439.355</b>                      | <b>54.195.803</b>                       |

**6.2 Giá vốn hàng bán**

|                          | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> |
|--------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                          | VND                                     | VND                                     |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 387.616.724                             | 173.160.174                             |
|                          | <b>387.616.724</b>                      | <b>173.160.174</b>                      |

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                        | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> |
|------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                        | VND                                     | VND                                     |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 163.847                                 | 9.373.443                               |
| Lãi cho vay            | 93.922.950                              | 157.746.510                             |
|                        | <b>94.086.797</b>                       | <b>167.119.953</b>                      |

**6.4 Chi phí tài chính**

|                                                                                          | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
|                                                                                          | VND                                     | VND                                     |
| (Hoàn nhập)/ Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác - nắm giữ đến ngày đáo hạn         | (1.208.720.438)                         | -                                       |
| (Hoàn nhập)/ Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác – đầu tư vào công ty con, liên kết | (2.089.873.659)                         | 1.484.286.645                           |
|                                                                                          | <b>(3.298.594.097)</b>                  | <b>1.484.286.645</b>                    |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.***6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                                      | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                            | 917.055.869                                     | 1.272.314.450                                   |
| Chi phí đồ dùng văn phòng                            | -                                               | 40.881.976                                      |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                     | 4.999.998                                       | 4.999.998                                       |
| Thuế, phí và lệ phí                                  | 6.000.000                                       | 6.000.000                                       |
| (Hoàn nhập)/ Trích chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 1.887.500.000                                   | (168.404.292)                                   |
| Chi phí dịch vụ                                      | 304.182.481                                     | 1.304.531.217                                   |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác                    | 12.444.463                                      | 122.236.506                                     |
|                                                      | <b>3.126.182.811</b>                            | <b>2.582.559.855</b>                            |

**6.6 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Chi phí nhân công                | 917.055.869                                     | 1.272.314.450                                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.999.998                                       | 4.999.998                                       |
| Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng    | 1.887.500.000                                   | (168.404.292)                                   |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 691.799.205                                     | 1.477.691.391                                   |
| Chi phí khác                     | 12.444.463                                      | 169.118.482                                     |
|                                  | <b>3.513.799.535</b>                            | <b>2.755.720.029</b>                            |

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

|                                    | <b>Từ 01/01/2026<br/>đến 30/06/2026<br/>VND</b> | <b>Từ 01/01/2025<br/>đến 30/06/2025<br/>VND</b> |
|------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>Lương và các khoản thu nhập</b> |                                                 |                                                 |
| Ông Lý Thanh Nhã                   | 127.733.866                                     | 395.801.598                                     |
| Ông Võ Kim Nguyên                  | 372.885.742                                     | 355.922.665                                     |
|                                    | <b>500.619.608</b>                              | <b>751.724.263</b>                              |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

### 7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

| Bên liên quan                                          | Nội dung nghiệp vụ                                 | Từ 01/01/2026<br>đến 30/06/2026<br>VND | Từ 01/01/2025<br>đến 30/06/2025<br>VND |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC | Hoàn trả tiền vay                                  | 750.000.000                            | 500.000.000                            |
|                                                        | Lãi cho vay                                        | 520.000.000                            | 130.968.429                            |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư              | Cung cấp dịch vụ                                   | -                                      | 327.235.505                            |
|                                                        | Lãi cho vay                                        | 22.315.069                             | 26.778.081                             |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần HB Pharma                              | Lãi cho vay                                        | 7.140.824                              | -                                      |
|                                                        | Chi hộ                                             | -                                      | 1.158.000                              |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Số dư với các bên liên quan:                           |                                                    | 30/06/2026<br>VND                      | 01/01/2026<br>VND                      |
| Ông Vũ Minh Hoàng                                      | Phải thu ngắn hạn khác                             | 7.550.000.000                          | 7.550.000.000                          |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn – cho vay | 4.866.245.082                          | 6.071.778.025                          |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư              | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn – cho vay | 533.657.535                            | 511.342.466                            |
|                                                        | Phải trả người bán                                 | 87.556.054                             | 87.556.054                             |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần HB Pharma                              | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn – cho vay | 723.861.919                            | 716.721.095                            |
|                                                        |                                                    |                                        |                                        |

### 7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (ngày 30 tháng 06 năm 2026) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



TRẦN THỊ THANH LOAN  
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



VÕ KIM NGUYỄN  
Phó Tổng Giám đốc  
Người được ủy quyền  
Phê duyệt, ngày 21 tháng 08 năm 2026